

KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ BÉ BIẾT GÌ VỀ BẢN THÂN- TẾT TRUNG THU
LỚP MẪU GIÁO GHEP 3, 4, 5 TUỔI
Thời gian thực hiện 4 tuần: Từ ngày 29/9/2025 – 24/10/2025

STT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Hoạt động
			Chung	Riêng	
1. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT					
a) Phát triển vận động					
1	3	- Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	3,4,5 tuổi: - Hô hấp: Gà gáy - Tay: Co và duỗi tay - Lưng, bụng,lườn: Quay sang trái, sang phải (5T: kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái) - Chân: Đứng một chân nâng cao - gập gối		*Hoạt động học: Thể dục sáng: Hô hấp: Gà gáy - Tay: Co và duỗi tay - Lưng bụng: Quay sang trái, sang phải (5T: kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái) - Chân: Đứng một chân nâng cao - gập gối “Tập các động tác thể dục kết hợp bài hát: Nào chúng ta cùng tập thể dục. * Hoạt động chơi: Trò chơi: Tay xinh, Lá và gió, Anh em ngón tay, Tập tầm vông...
2	4	- Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh			
3	5	- Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp			
4	3	Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: `Bật về phía trước `Đi trong đường hẹp	- Bật về phía trước - Đi trong đường hẹp		* Hoạt động học Thể dục: B. Bật về phía trước N. Bật liên tục về phía trước L. Bật liên tục vào vòng Trò chơi VĐ: Chuyển vòng nối tiếp VĐ: B. Đi trong đường hẹp
5	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: ` Bật liên tục về phía trước ` Đi trên ghế thể dục	- Bật liên tục về phía trước - Đi trên ghế thể dục		

					N. Đi trên ghế thể dục L. Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát. Trò chơi VĐ: Lăn bóng vào gôn
6	5	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: `Bật liên tục vào vòng `Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.	- Bật liên tục vào vòng - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát		
13	3	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập: Trườn theo hướng thẳng	* 3,4 T: `Trườn theo hướng thẳng		* Hoạt động học: Thể dục: B- N: Trườn theo hướng thẳng L: Trườn kết hợp trèo qua ghế dài (1,5 x 30cm) Trò chơi VĐ: Chạy tiếp cò
14	4	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập: Trườn theo hướng thẳng			
15	5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập: Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5 x30cm	`Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5 x30cm		
16	3	Trẻ thực hiện được các vận động: `Xoay tròn cổ tay. `Gập, đan ngón tay vào nhau.	`Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.		* Hoạt động học: Thể dục sáng: - Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.
17	4	Trẻ biết thực hiện được các vận động: `Cuộn - xoay tròn cổ tay `Gập, mở, các ngón tay	`Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi		
18	5	Trẻ biết thực hiện được các vận động: `Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. `Gập, mở lần lượt từng ngón tay	`Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.		
19	3	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: `Vẽ được hình tròn theo mẫu.	* 4,5 tuổi ` Tô * <b>3,4,5 tuổi</b> ` Cài, cởi cúc.	` Tô vẽ nguệch ngoạc.	
					* Hoạt động Chơi - HĐG + Góc kỹ năng 3t: Tập luyện cài, cởi cúc áo.

		`Xếp chồng 1-2 khối không đồ.	` Xâu, buộc dây		4,5t: Thực hiện cài, cởi cúc áo; Xâu, buộc dây giày.
20	4	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: `Vẽ hình bạn trai, bạn gái `Xây dựng, lắp ráp với 2 -3 khối.		` Vẽ hình	5t: Rèn luyện kéo khoá áo, quần (phéc mơ tuya), luồn giày... - Xếp hình người từ các khối, hình học + Góc nghệ thuật
21	5	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay `Vẽ hình bạn trai, bạn gái `Xếp chồng 3-4 khối theo mẫu.		` Tô, đồ theo nét. ` Kéo khoá (phéc mơ tuya), luồn.	(Tạo hình) 4+5T: Tô, đồ theo các nét chữ cái, chữ số, 3T: Tô vẽ nguệch ngoạc. - Chơi ngoài trời: Vẽ phấn hình bạn trai, bạn gái
b, Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					
22	3	Trẻ có thể nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	` Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc ở địa phương.		* Hoạt động học DDSK: Trò chuyện về 4 nhóm thực phẩm * Hoạt động chơi: HĐG + Góc học tập
23	4	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: ` Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. ` Rau, quả chín có nhiều vitamin.	` Nhận biết một số thực phẩm (quen thuộc; thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng)		` Xem tranh, ảnh, vật thật trò chuyện với trẻ về 1 số thực phẩm: thịt, cá, trứng, sữa, rau,... + Góc phân vai: Chơi nấu ăn, gia đình:
24	5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: ` Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... ` Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.		` Trẻ biết thực hiện một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. <b>* Hoạt động ăn:</b> `Trò chuyện với trẻ hàng ngày: Được ăn món gì? Chế biến từ thực phẩm nào? Thịt, cá,.. là thực phẩm giàu chất gì? ..
25	3	Trẻ có khả năng biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, thịt gà luộc, cá nướng, thịt lợn rang, canh rau...	Nhận biết tên một số món ăn quen thuộc.		

26	4	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	` Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. ` Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	
27	5			
28	3	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.		*Hoạt động ăn - Trò chuyện với trẻ về ích lợi của việc ăn uống đầy đủ chất: ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; không uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.
29	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	` Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. ' Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	
30	5	Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.		
31	3	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: ` Rửa tay, lau mặt, súc miệng. ` Tháo tất, cởi quần, áo....	' Làm quen cách đánh răng, lau mặt. ' Tập rửa tay bằng xà phòng. ' Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu, ăn ngủ, vệ sinh.	* HD vệ sinh: -Tập luyện kỹ năng: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, đi xong dội nước cho sạch * Hoạt động chơi: - Chơi ngoài trời : Sau giờ chơi ngoài trời trẻ tự cài, cởi quần áo, tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để đúng nơi quy định.
32	4	Trẻ biết thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: ` Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. ` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	Tập đánh răng, lau mặt. ' Rèn luyện thao tác rửa tay với xà phòng. ' Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	
33	5	Trẻ biết thực hiện được	Tập luyện kỹ năng: Đánh	

		một số việc đơn giản: ` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.</p> <p>` Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch ` Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn	răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. ' Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.		
37	3	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	* 3,4,5 tuổi`</b></p> <p>Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe:</p> <p>` Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. ` Uống nước đã đun sôi, không uống nước lã		*Hoạt động ăn: - Trẻ mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn, nhai kỹ, ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, không đùa nghịch khi ăn, không làm rơi vãi thức ăn, không uống nước lã...
38	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.</p> <p>` Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... ` Không uống nước lã.			
39	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.</p> <p>` Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. ` Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.</p> <p>` Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường			
40	3	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: ` Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ ra	* 3, 4, 5 tuổi: ` Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với	` Nhận biết trang phục theo thời tiết.	* Hoạt động chơi: - Trò chuyện với trẻ về cách giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo

		nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. ` Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	sức khỏe con người. ` Nhận biết một số biểu hiện khi ốm (Cách phòng tránh đơn giản 4T, Nguyên nhân và cách phòng tránh 5T)		ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học ` Xem tranh, ảnh, vật thật trò chuyện về với trẻ về:
41	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: ` Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</p> <p>` Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p> <p>` Bỏ rác đúng nơi quy định.	* 4-5 tuổi: ` Lựa chọn/ và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.</p> <p>` Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.		` Trang phục theo thời tiết.</p> <p>` Một số biểu hiện khi ốm ` Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. * HD vệ sinh: - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, đi xong dội nước cho sạch
42	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: ` Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.</p> <p>` Ra nắng đội mũ: Đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. ` Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.</p> <p>` Che miệng khi ho, hắt hơi. ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p> <p>` Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.			

49	3	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: ` Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... ` Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng	*Hoạt động ăn: - Trẻ không cười đùa khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.. * Hoạt động chơi: - Trong giờ đón trả trẻ: Trò chuyện về một số nội quy của lớp: Không tự ý đi về, không về theo người lạ, không tự ý ra khỏi trường khi chưa được phép của cô giáo, không nhận quà của người lạ. - Xem tranh ảnh về cách phòng tránh một số hành động nguy hiểm. Dạy trẻ biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo * HĐ học: - PTKNXH: Kỹ năng tự bảo vệ bản thân
50	4	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: ` Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... ` Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.		
51	5	` Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: ` Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc... `Biết: ăn thức ăn có mùi hôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc		
52	4	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: ` Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.		
53	5	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an		

		toàn và gọi người giúp đỡ. ` Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu...</p> <p>` Biết tránh một số trường hợp không an toàn.: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo		
55	5	Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng	` Tập luyện kỹ năng: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng ' Biết chải đầu, vuốt tóc khi tóc rối, chỉnh sửa và giữ gìn quần áo sạch sẽ, gọn gàng hoặc khi được cô giáo nhắc	* HĐ học: ` Rèn KN: Chải đầu tóc, gấp quần áo gọn gàng
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
a) Khám phá khoa học				
56	3	Trẻ quan tâm, hứng thú và có một số hiểu biết về bản thân: `Tên, tuổi, giới tính, đặc điểm về hình dáng bên ngoài, sở thích của bản thân</p> <p>`Nhận biết tên 1 số bộ phận trên cơ thể, các giác quan, chức năng chính của chúng.	* 3,4,5 T: ` Chức năng các giác quan và (một số 3T, các 4-5T) bộ phận khác của cơ thể.	* Hoạt động học - KPKH: Khám phá các giác quan (5e) * Hoạt động chơi - Trò chơi: Gắn đúng các bộ phận cơ thể - Trò chơi: Thi xem ai nhanh - Chơi ngoài trời - Thí nghiệm: Trứng

57		Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng có ở địa phương.		chìm, trứng nổi, Sự đổi màu của nước - Trải nghiệm gieo hạt, làm bánh sinh nhật, Nặn bánh trung thu.. ` Quan sát cây hoa quân tử, cây hoa đồng tiền, cây hoa ngọc thảo, cây rau muống, cây rau ngót nhật, cây rau dền .. ` Quan sát bầu trời ` Lao động nhổ cỏ vườn rau, nhổ cỏ vườn hoa, nhặt rác quanh sân trường. ` Chơi với đồ chơi ngoài trời ` Làm một số đồ chơi từ nguyên vật liệu đơn giản... * Hoạt động chơi - TCM: Đếm các bộ phận cơ thể
58		Trẻ có thể làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng qua các hoạt động thí nghiệm, trải nghiệm. Ví dụ: Thả quả trứng vào cốc nước lọc trứng chìm, khi thả quả trứng vào cốc nước muối trứng sẽ nổi.		
62		Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng có ở địa phương.		
63	4	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán nội dung khám phá, kinh nghiệm trong cuộc sống thực tế của trẻ.		
67	5	Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét về một loại cây nào đó... và thảo luận về đặc		

		điểm của loại cây đó.		
68		Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận nội dung khám phá xung quanh môi trường sống của trẻ. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.		
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán				
114	3	Trẻ có khả năng sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	` Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	* Hoạt động học: Toán: B. Nhận biết phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau của bản thân. N. Xác định vị trí đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác. (phía trước sau, trên dưới.) L. Xác định vị trí đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác và với vật làm chuẩn. (phía trước sau, trên dưới) * Hoạt động học B. Nhận biết tay phải, tay trái của bản thân N. Xác định vị trí đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía phải, phía trái) L. Xác định vị trí đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác và với vật làm chuẩn.
115	4	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	` Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái). (5T: Với một vật nào đó làm chuẩn)	
116	5	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.		

				(phía phải, phía trái) * Hoạt động chơi: - Trò chơi: Đứng đúng chỗ của tôi - Trò chơi: Thi xem ai nhanh.
C) Khám phá xã hội				
119	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	` Tên, tuổi, giới tính của bản thân.(giáo dục giới và giới tính, bình đẳng giới công bằng giới...)	* Hoạt động học - KPXH: Bé giới thiệu về mình * HĐ chơi: (Đón trả trẻ): Xem tranh, ảnh, trò chuyện với trẻ về tên, tuổi, giới tính của bản thân
120	4	Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	` Họ tên, tuổi/ giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân (Giáo dục giới và giới tính, bình đẳng giới, công bằng giới...)	
121	5	Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	` Họ tên,ngày sinh giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân (giáo dục giới và giới tính, bình đẳng giới, công bằng giới...) và vị trí của trẻ trong gia đình.	
138	3	Trẻ có thể kể tên một số lễ hội: Tết Trung thu, tết lúa mới...qua trò chuyện, tranh ảnh.	Ngày lễ hội: Tết trung thu, tết lúa mới.	* HĐ học - Trải nghiệm về ngày Tết trung thu, tết lúa mới.
140	4	Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của ngày lễ hội: Tết trung thu, tết lúa mới.		
142	5	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội: Tết trung thu, tết lúa mới.		
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
147	3	Trẻ có khả năng hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Bạn trai, bạn gái, quần áo, đồ chơi,...	Hiểu các từ chỉ tên gọi, đặc điểm, hình dáng của bản thân trẻ và bạn khác gần gũi, quen thuộc.	*Hoạt động học: - TCTV: + Học từ mới: Bạn trai, bạn gái, váy,

148	4	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Bạn trai, bạn gái, quần áo, đồ chơi,...	Hiểu các từ chỉ đặc điểm, hình dáng của bản thân trẻ, của bạn khác và các từ biểu cảm.	Rước đèn, phá cỗ, múa lân. Đôi mắt, cái mũi, đôi tai, rửa mặt, chải đầu, buộc tóc, miệng, tay, chân, thịt lợn, thịt bò, gạo nếp, dầu ăn, mỡ lợn, quả bơ..... + Câu mới: Bạn trai để tóc ngắn; Bạn gái buộc bím tóc dài rất xinh; Bạn gái mặc váy rất đẹp. Đêm trung thu bé rước đèn ông sao; Tết trung thu các con được phá cỗ; Con rất thích xem múa lân. Đôi mắt dùng để nhìn là cơ quan thị giác; cái mũi dùng để ngửi là cơ quan khứu giác; đôi tai dùng để nghe là cơ quan thính giác..... - Trò chơi: Thi xem ai nhanh, ai đoán đúng, Ai nói nhanh...
149	5	Trẻ có khả năng hiểu nghĩa từ khái quát: Bạn trai, bạn gái, quần áo, đồ chơi,...	Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.	
153	3	Trẻ có khả năng nói rõ các tiếng	Phát âm các tiếng (của tiếng việt).	
165	3	Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, cao dao, đồng dao của địa phương, mang đặc trưng của địa phương.	` Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. ` Đọc thơ, cao dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	* HD học + Thơ: Trăng sáng; Bé ơi (Phong Thu) * HD học + Ca dao đồng dao: Nu na nu nống, tập tầm vông, mười ngón tay, vươn vai... + Câu đố về các bộ phận trên cơ thể bé: Cái mũi, đôi mắt, bàn chân...
166	4			
167	5			
168	3	Trẻ có khả năng kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp	` Kể lại một vài tình tiết truyện đã được nghe.	* Hoạt động học - Truyện: Giấc mơ kì lạ

		đỡ của người lớn.			
169	4	Trẻ biết cách kể lại truyện có mở đầu và kết thúc.	` Kể lại truyện đã được nghe (Theo trình tự 5T)		
170	5	Trẻ biết kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự nhất định			
194	4	Trẻ biết nhận dạng 1-3 chữ cái a,ă,â trong bảng chữ cái tiếng việt.	` Tập tô, tập đồ các nét chữ. ` Nhận dạng chữ cái (4 tuổi nhận biết 1-3 chữ cái a,ă,â; 5t nhận biết các chữ cái a,ă,â).		* HĐ học: - LQCC: a, ă, â - LQCV: Tập tô chữ cái: a, ă, â
195	5	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.		` Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	
196		Trẻ biết nhận dạng các chữ cái a,ă,â trong bảng chữ cái tiếng việt.			
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội					
197	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	` Tên, tuổi, giới tính		* Hoạt động chơi: (buổi chiều) - Trò chuyện với trẻ, cho trẻ đứng lên giới thiệu về bản thân: tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại (5t).
198	4	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.			
199	5	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	Thực hiện thông qua nội dung khám phá xã hội (lĩnh vực PT nhận thức)		
200	3	Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	` Những điều bé thích , không thích.		* Hoạt động chơi: (Giờ đón trả trẻ) -Trò chuyện với trẻ về bản thân, cho trẻ giới thiệu về bản thân, những điều bé thích và không thích * Hoạt động chơi: TCM - Tìm bạn thân - Khách đến chơi nhà
201	4	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	` Sở thích, khả năng của bản thân.		
202		Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.			
203	5	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được và việc bé			

		không làm được.		
204		Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	` Điểm giống khác nhau của mình với người khác.	
212	3	Trẻ có thể nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, tranh ảnh.	* 3,4,5 tuổi: ` Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận/ngạc nhiên/ xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói * 4,5 tuổi: Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (qua tranh ảnh; 5T âm nhạc)	*Hoạt động chơi: - TCM: Tôi vui tôi buồn - HĐ đón trả trẻ: Xem tranh ảnh, trò chuyện với trẻ về một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi... - HĐG: Góc phân vai: + Bán hàng: Bán trang phục, đồ dùng, bạn trai, bạn gái... + Gia đình: Mặc, cởi áo cho búp bê. - Chơi soi gương nhận diện cảm xúc vui buồn tức giận
213	4	Trẻ có thể nhận biết cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh, ảnh.		
214	5	Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ... qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.		
215	3	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.		
216	4	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	` Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	
			` Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.	
217	5	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi,	` Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của	

		tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	
218		Trẻ biết an ủi và chia vui với bạn bè.	Mối liên hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	
219		Trẻ có thể nói được khả năng và sở thích của bạn bè	` Khả năng và sở thích của bạn bè	
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ				
260	3	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. thích nghe đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	` Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)	* HĐ học: - Nghe hát: + Chiếc đèn ông sao + Năm ngón tay ngoan + Em là bông hồng nhỏ *HĐ chơi: (Giờ trả trẻ) - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, kể chuyện về chủ đề: Bản thân
261	4	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	` Nghe và nhận ra/ nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca/ 5T: nhạc cổ điển)	
262	5	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	` Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	
263	3	Trẻ có khả năng hát tự nhiên, hát được giai điệu bài hát quen thuộc.	` 3-4-5T: Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát ` 4-5T: Thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát	*Hoạt động học: Âm nhạc: - DH: Rước đèn dưới ánh trăng * Hoạt động chơi: - Góc âm nhạc: Hát các bài hát về chủ đề Bản thân: Cái
264	4	Trẻ có khả năng hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu		

		bộ...			mũi, Mời bạn ăn, Góc trắng, Tập rửa mặt..
265	5	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễm cảm phù hợp với sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...			
266	3	Trẻ có khả năng vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	* 3,4,5T: " Vận động theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc (đơn giản; 4+5T nhịp nhàng " Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. (4,5T theo tiết tấu).		* Hoạt động học: Âm nhạc - VDMH: Tập rửa mặt - VTTTC: Mời bạn ăn
267	4	Trẻ có thể vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).			
268	5	Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).		` Thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc	
269	3	Trẻ có khả năng sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý	` Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.		* Hoạt động học: - Tạo hình: Thiết kế mái tóc giả (EDP) - HDC: Làm đèn lồng (EDP) * Hoạt động chơi: - Chơi ngoài trời: Thiết kế bảng bé ngoan bằng que kem, ảnh bé...
270	4	Trẻ có thể phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	` Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.		
271	5	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	` Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.		
275	3	Trẻ có kỹ năng xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn	` Sử dụng một số kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản		* HD Chơi + Góc tạo hình: Tạo hình bé trai, bé gái,

		giản.	phẩm (3T đơn giản, 4T có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét)	Trang trí trang phục của bạn trai, bạn gái...cắt, xé dán các bộ phận trên cơ thể còn thiếu.
276	4	Trẻ có kỹ năng xé, cắt theo đường thẳng, đường cong.. và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.		
277	5	Trẻ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	
278	3	Trẻ có kỹ năng lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	` Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm (3T đơn giản, 4T có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét)	*Hoạt động học: - Tạo hình: Nặn các loại bánh * Hoạt động chơi: - Góc tạo hình: Nặn bánh trôi, nặn bánh trung thu..
279	4	Trẻ có kỹ năng làm lồi, dẹt, bẹt, bẻ, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết		
280	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước/hình dáng/ đường nét và bố cục.	

***Tổng số MT thực hiện trong chủ đề: 3 tuổi: 32 MT, 4 tuổi: 33 MT, 5 tuổi: 37 MT**

Người lập

Người lập

Ban giám hiệu ký duyệt

Nguyễn Thùy Trang

Đào Thị Sinh

Nguyễn Hồng Vân